

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWW
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWW

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIWW JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIWW.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2300940294

3. Ngày thành lập: 08/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phù Khê Thượng (NR Lưu Văn Chuẩn), Xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0965.933.890

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
4.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
5.	Trồng cây hàng năm khác	0119
6.	Trồng cây ăn quả	0121
7.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
8.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
11.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
12.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
13.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
14.	Khai thác gỗ	0221
15.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
16.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
17.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
18.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
19.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
20.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
21.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
22.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
23.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

24.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
25.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
26.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
27.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
28.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
29.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
30.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
31.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
32.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
33.	Sản xuất than cốc	1910
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
40.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
41.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
43.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
46.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
49.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
50.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán buôn gạo	4631
55.	Bán buôn thực phẩm	4632

56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
61.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
62.	Giáo dục mầm non	8510
63.	Giáo dục tiểu học	8520
64.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
65.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
66.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
67.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
68.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
69.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
70.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
71.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
72.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
73.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
77.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
78.	Cung ứng lao động tạm thời	7820(Chính)
79.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
80.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
81.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
82.	Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU VĂN ĐOÁN	Thôn Phù Khê Thượng, Xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	125299361	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THỊ KHUÊ	Thôn Phù Khê Thượng, Xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	125879689	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
3	LƯU THỊ XUYỀN	Thôn Hà Khê, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	013534315	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
4	LƯU VĂN PHẢI	Thôn Phù Khê Thượng, Xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	60,000	125879698	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KHUÊ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/04/1952

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 125879689

Ngày cấp: 09/05/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Phù Khê Thượng, Xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Phù Khê Thượng, Xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh